

Số: /QĐ-UBND Thanh Hoá, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Nhà máy sản xuất đồ chơi, may mặc và giày da Minh Sơn tại xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa của Công ty cổ phần May mặc và giày da xuất khẩu Minh Sơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; giấy phép môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 1334/QĐ-UBND ngày 19/04/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư dự án Nhà máy may mặc và giày da xuất khẩu Minh Sơn, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 4485/QĐ-UBND ngày 27/11/2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Nhà máy may mặc và giày da xuất khẩu Minh Sơn tại xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 1905/QĐ-UBND ngày 13/05/2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Nhà máy sản xuất đồ chơi may mặc và giày da Minh Sơn tại xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa;

Xét Văn bản số 7773/STNMT-BVMT ngày 26/8/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về thông báo kết quả thẩm định báo cáo ĐTM Dự án Nhà máy sản xuất đồ chơi, may mặc và giày da Minh Sơn tại xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa của Công ty Cổ phần may mặc và giày da xuất khẩu Minh Sơn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1637/Tr-STNMT ngày 19/10/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Nhà máy sản xuất đồ chơi, may mặc và giày da Minh Sơn (sau đây gọi là Dự án) của Công ty cổ phần May mặc và Giày da xuất khẩu Minh Sơn (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Nhà máy sản xuất đồ chơi, may mặc và giày da Minh Sơn của Công ty cổ phần May mặc và Giày da xuất khẩu Minh Sơn thực hiện tại xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Ngọc Lặc, Giám đốc Công ty cổ phần May mặc và Giày da xuất khẩu Minh Sơn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3, QĐ;
- Bộ TN&MT (để b/c);
- UBND xã Minh Sơn (để giám sát);
- Lưu: VT, CCBVMT, PgNN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Đức Giang

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án Nhà máy sản xuất đồ chơi, may mặc và giày da Minh Sơn
tại xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của
Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

1. Thông tin chung dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Nhà máy sản xuất đồ chơi, may mặc và giày da Minh Sơn.
- Địa điểm thực hiện: Xã Minh Sơn, Huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá.
- Chủ dự án: Công ty cổ phần may mặc và giày da xuất khẩu Minh Sơn.
- + Đại diện: Ông Nguyễn Anh Tuấn - Chức vụ: Giám đốc.
- + Địa chỉ liên hệ: Tầng 02, Số nhà 314 Lê Thánh Tông, phường Đông Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Phạm vi, quy mô: Dự án được thực hiện trên khu đất thuộc địa giới hành chính xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá với tổng diện tích khu đất là 34.300,3 m².

- Công suất sản xuất

+ Sản xuất đồ chơi: 1.300 tấn sản phẩm/năm (tương đương 3.000.000 sản phẩm/năm).

+ Sản xuất sản phẩm may mặc (may trang phục) và giày da (mặt giày): 1.000.000 sản phẩm/năm. Trong đó sản phẩm may mặc (may trang phục) khoảng 700.000 sản phẩm/năm; giày da (may mặt giày) khoảng 300.000 sản phẩm/năm.

- Công nghệ sản xuất:

- + Quy trình sản xuất đồ chơi:

Nguyên liệu nhựa, nguyên liệu tạo màu → Pha trộn + phối màu → Đúc ép chi tiết nhựa theo mẫu → Sơn, in phun → Lắp ráp sản phẩm → Kiểm tra, đóng gói sản phẩm, nhập kho → Xuất hàng.

- + Quy trình sản xuất sản phẩm may mặc (may trang phục)

Nhập nguyên liệu → Kho hàng → Cắt → May → Là hơi → Kiểm tra sản phẩm → Hoàn thiện, đóng gói → Xuất bán.

- + Quy trình sản xuất các sản phẩm giày da (may mặt giày)

Nguyên liệu sản xuất → Pha cắt → In cao tần → May mặt giày → KCS → Sản phẩm (mặt giày).

- Quy mô sử dụng lao động khoảng: 2.023 người.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

- Các hạng mục công trình của dự án:

+ Đất xây dựng công trình: Nhà xưởng 1A (01 tầng, diện tích xây dựng

4.754,7 m²); Nhà xưởng 1B (01 tầng, diện tích xây dựng 5.142,4 m²); Nhà xưởng 2A (01 tầng, diện tích xây dựng 3.850 m²); Nhà xưởng 2B (01 tầng, diện tích xây dựng 3.916 m²); Nhà văn phòng, nhà xe, nhà nghỉ, nhà ăn ca (02 tầng, diện tích xây dựng 2.512,5 m²);

+ Đất hạ tầng kỹ thuật: Nhà kỹ thuật điện (diện tích xây dựng 180 m²); Nhà máy nén khí (diện tích xây dựng 250 m²); Nhà bảo vệ (diện tích xây dựng 22 m²); Bể xử lý nước thải (bể ngầm); Bể nước (Bể ngầm); Phòng bơm (diện tích xây dựng 52 m²); Trạm biến áp (diện tích xây dựng 70 m²); Khu xử lý nước sạch (diện tích xây dựng 110 m²).

+ Đất cây xanh (diện tích 6.927,3 m²); Đất giao thông + sân đường nội bộ (diện tích 6.513,4 m²).

- Hoạt động của dự án:

+ Giai đoạn thi công xây dựng: Thi công xây dựng các hạng mục công trình phục vụ dự án;

+ Giai đoạn vận hành: Hoạt động sản xuất của Nhà máy.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước 02 vụ với diện tích khoảng 33.153,7 m², là yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại khoản 4, Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Giai đoạn thi công xây dựng: Hoạt động thi công xây dựng các công trình của dự án, hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, hoạt động của máy móc, thiết bị trên công trường, hoạt động của công nhân tham gia thi công xây dựng, ... Các hoạt động này phát sinh bụi, khí thải, nước thải xây dựng, nước thải sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, tiếng ồn, độ rung tác động đến dân cư và các yếu tố tự nhiên, xã hội khác.

- Giai đoạn vận hành: Hoạt động sản xuất, vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm; hoạt động sinh hoạt của công nhân, ... Các hoạt động này sẽ phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn sản xuất, chất thải nguy hại, ... tác động đến công nhân, môi trường tự nhiên và các yếu tố xã hội khác.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:

3.1. Giai đoạn xây dựng:

3.1.1. Nước thải, khí thải:

3.1.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước mưa chảy tràn qua khu vực dự án có lưu lượng khoảng 3.087m³/ngày có lượng mưa lớn nhất. Thành phần chủ yếu gồm: Cát, bùn đất, các chất bẩn cuốn trôi trên bề mặt.

- Nước thải sinh hoạt của công nhân thi công có lưu lượng khoảng

3,2m³/ngày đêm. Trong đó nước thải từ quá trình rửa tay chân, giặt quần áo: 1,6 m³/ngày đêm, nước thải vệ sinh xí tiêu: 1,6 m³/ngày đêm. Thành phần chủ yếu gồm: chất cặn bã, chất rắn lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD); các chất dinh dưỡng (N, P), phốt pho (P); vi sinh (coliform)...

- Nước thải từ hoạt động vệ sinh thiết bị thi công khoảng 5 m³/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: chất rắn lơ lửng, đất, cát, ...

3.1.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

- Bụi và khí thải từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu thi công các hạng mục dự án gồm: bụi và khí thải từ phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ thi công dự án, vận chuyển đồ thải, bụi cuốn theo lớp xe,... Thành phần gồm: bụi vô cơ, khí CO, SO₂, NO₂,...

- Bụi và khí thải từ hoạt động thi công các hạng mục dự án gồm: bụi từ đào đắp trên công trường, trút đổ nguyên vật liệu, thi công công trình, bụi và khí thải từ các máy móc thiết bị tiêu thụ dầu DO. Thành phần gồm: bụi vô cơ, khí CO, SO₂, NO₂,...

3.1.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

3.1.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô của chất thải rắn sinh hoạt:

Chất thải rắn sinh hoạt trong quá trình thi công xây dựng phát sinh từ hoạt động của công nhân thi công với khối lượng khoảng 40 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa của công nhân, nhựa, giấy, bìa catton, nilon, vỏ chai nhựa, vỏ hộp...

3.1.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

Chất thải rắn thông thường trong quá trình thi công xây dựng bao gồm 5.507,6 tấn đất bóc hữu cơ; 495,5 tấn đất đào không thích hợp; 192,12 tấn chất thải từ quá trình thi công xây dựng (trong đó khối lượng nguyên vật liệu rơi vãi như đất, đá cát là 102,42 tấn; khối lượng chất thải rắn từ quá trình thi công như sắt thép thừa, gỗ cốp pha loại, bao bì xi măng, ... là 89,7 tấn).

3.1.2.3. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

- Chất thải rắn nguy hại gồm giẻ lau chùi máy móc, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy,... khối lượng khoảng 12 kg/quá trình thi công.

- Khối lượng dầu thải dạng lỏng từ các phương tiện thi công dự án tối đa tại công trường 112 lít/quá trình thi công.

3.1.3. Tiếng ồn, độ rung và các tác động khác

- *Tác động do tiếng ồn, độ rung:* Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các hoạt động thi công của các loại máy móc, thiết bị trên công trường. Các đối tượng bị tác động bao gồm người dân sinh sống xung quanh khu vực dự án, công nhân thi công tại công trường, khu vực trường học và người dân tham gia giao thông qua khu vực dự án.

- *Tác động do chiếm dụng đất lúa:* Việc thu hồi đất trên ảnh hưởng tới diện tích đất sản xuất nông nghiệp, đất canh tác của 29 hộ dân địa bàn xã và đất thủy lợi, đất chưa sử dụng, đất lúa do UBND xã Minh Sơn quản lý, sử dụng.

- *Tác động do việc khai thác nước dưới đất:* Làm hạ thấp mực nước ngầm, sụt lún đất, ảnh hưởng hệ sinh thái địa phương, ...

- *Tác động từ hoạt động phương tiện vận chuyển:* Gia tăng mật độ giao thông trên tuyến đường Hồ Chí Minh, tuyến đường vào thôn Minh Ngọc làm tăng nguy cơ hư hỏng đường giao thông, tăng nguy cơ xảy ra tai nạn, ảnh hưởng tới hoạt động giao thông dân cư, khu vực trường học, hoạt động sản xuất nông nghiệp xung quanh dự án, ...

- *Các rủi ro, sự cố môi trường:* Rủi ro, sự cố bom mìn tồn lưu; tai nạn giao thông; tai nạn lao động; hư hỏng công trình giao thông, ...

3.2. Giai đoạn vận hành:

3.2.1. Nước thải, khí thải:

3.2.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân viên: Lưu lượng lớn nhất khoảng 118,77 m³/ngày đêm; trong đó, nước thải từ quá trình tắm rửa tay chân, giặt quần áo: 40,91 m³/ngày đêm; nước thải nhà ăn: 36,95 m³/ngày đêm; nước thải dội nhà vệ sinh: 40,91 m³/ngày đêm. Thành phần chủ yếu: chất cặn bã, chất rắn lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD); các chất dinh dưỡng (N, P), phốt pho (P); vi sinh (coliform)...

- Nước thải sản xuất từ hoạt động sản xuất của nhà máy:

+ Nước thải từ hoạt động xả đáy nồi hơi điện là 2,52 m³/lần vệ sinh xả đáy. Đặc trưng của nước thải có nhiệt độ cao và cặn vôi hóa CaCO₃.

+ Nước thải từ hoạt động vệ sinh thiết bị là 0,17 m³/ngày;

+ Nước thải từ hoạt động hệ thống xử lý khí thải là 51,45 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là cặn bụi thải, sơn thải.

- Nước mưa chảy tràn qua khu vực dự án có lưu lượng khoảng 8.014,32 m³/ngày có lượng mưa lớn nhất. Thành phần chủ yếu: cát, bùn đất, TSS, ...

3.2.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

- Nguồn phát sinh bụi, khí thải từ hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào dự án, hoạt động vận hành máy phát điện, ... Thành phần chủ yếu: CO, NO₂, SO₂,...

- Nguồn phát sinh bụi từ hoạt động sản xuất:

+ Bụi từ quá trình pha cắt, may trang phục, may mặt giày. Thành phần chủ yếu là bụi.

+ Bụi, khí thải từ quá trình sản xuất đồ chơi. Thành phần chủ yếu là hơi dung môi hữu cơ, bụi sơn.

+ Mùi, khí thải phát sinh từ hoạt động nấu ăn, công trình thu gom, xử lý nước thải, khu tập kết chất thải. Thành phần chủ yếu: H₂S; NH₃; CH₄...

3.2.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô của chất thải rắn sinh hoạt:

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ sinh hoạt của công nhân khoảng 615,9 kg/ngày. Thành phần chủ yếu: túi nilon, giấy, bìa carton, vỏ bao bì,...

3.2.2.2. *Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:*

- Chất thải rắn sản xuất, trong đó chất thải rắn từ quá trình sản xuất đồ chơi khoảng 8,056 tấn/năm; chất thải rắn từ quá trình sản xuất may mặc (may trang phục), giày da (mặt giày) khoảng 43,82 tấn/năm.

- Ngoài ra, còn có chất thải phát sinh từ cảnh quan môi trường khoảng 4,5 tấn/năm; bùn thải từ bể tự hoại, hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 150 m³/ngày đêm không nhiễm thành phần nguy hại khoảng 111 tấn/năm.

3.2.2.3. *Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:*

Chất chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành dự án gồm: Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, găng tay, vật liệu nhiễm thành phần nguy hại; Pin, ắc quy chì thải; Cặn sơn thải; Hộp mực in thải; Bao bì mềm thải; Bao bì cứng thải bằng kim loại; Bùn thải hệ thống nước thải sản xuất; Than hoạt tính đã qua sử dụng khoảng 2.535 kg/năm.

3.2.3. *Tiếng ồn, độ rung, nhiệt dư và các tác động khác*

Tiếng ồn, độ rung, nhiệt dư phát sinh từ quá trình sản xuất; từ phương tiện ra vào nhà máy, ... và các rủi ro, sự cố môi trường như: sự cố cháy nổ, an toàn lao động, hư hỏng hệ thống xử lý chất thải, ...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án:

4.1. Giai đoạn xây dựng:

4.1.1. *Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:*

4.1.1.1. *Đối với thu gom, xử lý nước thải:*

- Nước thải rửa tay chân, tắm giặt giai đoạn xây dựng: Bố trí 01 hố lắng thể tích 6,0 m³ (kích thước 2m x 3m x 1m; đáy và thành được lót bằng vải địa kỹ thuật HDPE để chống thấm) để thu gom, xử lý. Nước thải sau lắng được tái sử dụng lại một phần phục vụ rửa xe, tưới đường dập bụi.

- Nước thải nhà vệ sinh: Bố trí 04 nhà vệ sinh di động có 2 buồng để đảm bảo sinh hoạt của công nhân. Nhà vệ sinh di động có kích thước RxDxC = 120x220x280cm, dung tích 800 lít để thu gom nước thải vệ sinh; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, đưa đi xử lý định kỳ.

- Nước thải rửa xe, nước thải rửa dụng cụ thi công được thu gom, dẫn về 01 hố lắng tạm thể tích 6 m³ (kích thước 2m x 3m x 1m; đáy và thành được lót bằng vải địa kỹ thuật HDPE để chống thấm) để lắng lọc cùng nước thải rửa tay chân, tắm giặt. Nước thải sau lắng được tái sử dụng lại một phần phục vụ rửa xe, tưới đường dập bụi.

4.1.1.2. *Đối với thu gom, xử lý bụi, khí thải:*

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động gồm: quần áo bảo hộ, mũ, khẩu trang, kính, ... theo quy định, bố trí thời gian nghỉ ngơi hợp lý cho công nhân.

- Dùng xe xịt 5,0 m³, phun theo ống đục lỗ nằm ngang phía dưới xịt. Tần suất phun nước 04 lần/ngày và tăng số lần phun nước trong điều kiện thời tiết khô hanh tại một số vị trí nhạy cảm như tuyến đường qua các khu dân cư lân cận.

- Phương tiện vận chuyển vật liệu xây dựng phải chở đúng trọng tải quy định của xe và có che phủ bạt phía trên để tránh rơi vãi trong quá trình di chuyển.

- Bố trí khu vực rửa bánh xe vận chuyển nguyên vật liệu trước khi ra khỏi khu vực thi công; phun nước rửa sạch bùn đất dính bám trên lốp xe trước khi ra khỏi công trường; các xe vận tải chuyên chở nguyên vật liệu cho quá trình thi công xây dựng phải có bạt che kín thùng xe.

- Lắp dựng tường rào tạm cao 2,0 m dài khoảng 730 m bằng tôn bao quanh khu đất thực hiện dự án.

4.1.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.1.2.1. Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt

- Trang bị ít nhất 05 thùng đựng rác có nắp đậy (dung tích 20 lít/thùng; 50lít/thùng) tại khu vực lán trại công nhân để thu gom chất thải rắn sinh hoạt; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom vận chuyển và xử lý đúng quy định.

- Yêu cầu cán bộ, công nhân khi tham gia thi công thực hiện tốt công tác phân loại, không xả rác thải bừa bãi và giữ vệ sinh chung.

4.1.2.2. Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Khối lượng đất bóc phong hóa từ diện tích trồng lúa nước chủ dự án tận dụng toàn bộ để trồng cây xanh tại khu vực được quy hoạch cây xanh của nhà máy tại phía Bắc, Đông Bắc khu đất thực hiện dự án.

- Khối lượng đất đào không thích hợp được chủ dự án tận dụng cho quá trình đắp trồng cây, tôn nền dự án.

- Chất thải rắn từ quá trình xây dựng vật liệu rời như cát, đá,... Chiếm 1% nguyên vật liệu dự án tương đương 102,42 tấn. Khối lượng CTR này sẽ được công nhân thi công sử dụng để làm lớp lót sân đường nội bộ và dùng để san nền phía bên trong khu vực dự án.

- Chất thải rắn từ các loại vật liệu sử dụng trong quá trình thi công như mẫu sắt thép thừa, gỗ cốp pha loại, bao bì xi măng chiếm 0,5% vật liệu dự án là 89,7 tấn. Khối lượng CTR này công nhân thi công sẽ thu gom lại và tận dụng bán phế liệu, phần thừa còn lại là các thành phần như ván gỗ chủ đầu tư sẽ thuê đơn vị môi trường có chức năng đến thu gom và đưa đi xử lý theo quy định.

4.1.2.3. Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Trang bị ít nhất 04 thùng chứa (dung tích 60 lít/thùng) để chứa chất thải rắn nguy hại; 02 thùng phuy với dung tích 60 lít/thùng để chứa chất thải lỏng nguy hại.

- Các thùng chứa đều có dán nhãn mác, nắp đậy theo đúng quy định đặt tại khu vực có mái che bằng tôn, nền cao, tránh nước mưa. Hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

4.1.3. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và các tác động khác:

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

+ Phương tiện sử dụng trong thi công đúng số lượng, chủng loại, công suất được duyệt và được kiểm tra, chứng nhận về chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định.

+ Trang bị bảo hộ lao động giảm ồn cá nhân cho công nhân vận hành phương tiện theo quy định.

- Biện pháp giảm thiểu tác động của việc chiếm dụng đất:

+ Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Đảm bảo thực hiện các phương án đền bù kịp thời nhằm hỗ trợ đối tượng bị ảnh hưởng.

+ Lập bản kiểm kê chi tiết phương án đền bù giải phóng mặt bằng để có giải pháp cụ thể phù hợp đối với từng trường hợp bị ảnh hưởng bởi dự án.

+ Công khai về mức giá đền bù chi tiết của từng loại tài sản bị ảnh hưởng. Công khai chính xác khối lượng đền bù của từng hộ dân.

+ Thực hiện các biện pháp hỗ trợ ổn định sản xuất, bố trí nguồn kinh phí cho công tác chuyển đổi nghề nghiệp và đào tạo việc làm.

+ Dự án ưu tiên tuyển dụng lao động là các đối tượng con em các hộ dân mất đất sản xuất vào làm việc tại dự án. Bố trí sắp xếp định hướng vào các vị trí làm việc thích hợp với trình độ thực tế.

- Biện pháp giảm thiểu tác động do khai thác nước ngầm:

+ Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định, quy trình kỹ thuật về khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, bảo vệ nguồn nước khai thác và môi trường liên quan. Theo dõi sự biến đổi mực nước, lưu lượng, chất lượng nước tại các giếng khai thác để điều chỉnh chế độ khai thác phù hợp.

+ Kiểm soát và sửa chữa hệ thống rò rỉ: Thường xuyên kiểm tra và sửa chữa các rò rỉ trong hệ thống cấp nước để tránh mất nước không cần thiết.

- Biện pháp giảm thiểu tác động do quá trình vận chuyển nguyên vật liệu:

+ Bố trí thời gian vận chuyển hợp lý, không vận chuyển nguyên vật liệu trong khung giờ cao điểm.

+ Bố trí biển báo, thanh chắn chỉ dẫn giao thông, cán bộ điều phối giao thông trong quá trình vận chuyển.

+ Phương tiện vận chuyển đảm bảo được che chắn kín thùng xe, đảm bảo tốc độ di chuyển phù hợp tránh tình trạng rơi vãi nguyên vật liệu trên tuyến đường.

+ Sử dụng các phương tiện vận chuyển có tải trọng phù hợp với kết cấu, thiết kế của tuyến đường vận chuyển.

- Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố:

+ Sự cố tai nạn giao thông: lắp đặt biển cảnh báo công trường đang thi công; không vận chuyển nguyên vật liệu vào các khung giờ cao điểm; lắp đặt đèn cảnh báo, biển báo hiệu, hàng rào cảnh báo và bố trí nhân lực hướng dẫn phân luồng giao thông tại các nút giao thông nối từ công trường với tuyến đường chính của khu vực thực hiện dự án, ...;

+ Sự cố cháy nổ: Ban hành quy định, nội quy, biển cấm, biển báo, sơ đồ hoặc biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy, thoát nạn, trang bị 2 bình bột PCCC tại khu lán trại tạm.

+ Đối với sự cố hư hỏng đường xá, tuyến mương tiêu thoát nước khu vực ... Yêu cầu sử dụng các thiết bị thi công đạt đăng kiểm trong quá trình thi công; các thiết bị thi công được lắp thiết bị giảm thanh và được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ thường xuyên; các phương tiện vận chuyển không chở quá tải trọng; thực hiện đền bù nếu hoạt động thi công gây rung lắc hư hại đến các tuyến đường, mương tiêu thoát nước xung quanh dự án, ...

4.2. Giai đoạn vận hành

4.2.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.2.1.1. Đối với thu gom, xử lý nước thải:

a. Nước mưa chảy tràn:

- Bố trí hệ thống thu gom nước mưa tách riêng với hệ thống thu gom nước thải.

- Nước mưa mái được thu gom vào senô theo đường ống dẫn PVC D110 lắp đứng dẫn về hệ thống tiêu thoát nước mưa chảy tràn của dự án.

- Nước mưa chảy tràn sau khi thu gom bằng hệ thống cống BTCT D400, D600, D800, hố ga để lắng cặn, nước mưa sau đó thoát ra mương thoát nước nội đồng phía Đông dự án.

- Thường xuyên dọn dẹp mặt bằng, nạo vét, duy tu hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

b. Nước thải sinh hoạt:

- Nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh (xí, tiêu) được xử lý sơ bộ bằng 4 bể tự hoại 3 ngăn (tổng thể tích 212 m^3) đặt ngầm; toàn bộ nước thải được dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung, công suất $150 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ đặt tại khu vực ký hiệu 09 trên bản vẽ tổng mặt bằng sau đó thoát ra mương tiêu công trình Hồ Ngọc Phú phía Đông dự án.

- Nước thải phát sinh từ rửa tay chân, tắm giặt không qua bể tự hoại được dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung công suất $150 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ đặt tại khu vực ký hiệu 09 trên tổng mặt bằng, sau đó thoát ra mương tiêu công trình Hồ Ngọc Phú phía Đông dự án.

- Nước thải phát sinh từ khu vực nhà ăn ca được xử lý sơ bộ bằng 2 bể tách dầu mỡ (tổng thể tích 10 m^3); sau đó, dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất $150 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ đặt tại khu vực ký hiệu 09 trên tổng mặt bằng sau đó thoát ra mương tiêu công trình Hồ Ngọc Phú phía Đông dự án.

- Quy trình công nghệ của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung,

công suất 150 m³/ngày.đêm như sau: Nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể điều chỉnh pH → Bể keo tụ - tạo bông → Bể lắng 1 → Bể sinh học thiếu khí → Bể sinh học hiếu khí → Bể lọc màng MBR → Khử trùng đường ống → mương tiêu công trình Hồ Ngọc Phú phía Đông dự án.

- Vị trí xả nước thải đã được thống nhất tại các Văn bản số 2970/UBND-TNMT ngày 01/10/2024 của UBND huyện Ngọc Lặc và Văn bản số 03/BQLKTCCTL-KT ngày 16/09/2024 của Ban quản lý khai thác công trình thủy lợi, huyện Ngọc Lặc.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ dự án phải xử lý đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, K=1) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

c. Nước thải sản xuất:

- Nước thải từ hoạt động xả đáy nồi hơi điện (định kỳ 6 - 12 tháng/lần) được thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 60 m³/ngày.đêm sau đó tuần hoàn tái sử dụng cho hoạt động của hệ thống xử lý khí thải.

- Nước thải từ hoạt động vệ sinh thiết bị (đầu phun sơn, máy phun sơn robot); nước thải xả cặn, vệ sinh bể tuần hoàn hấp thụ (hệ thống xử lý khí thải) được thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 60 m³/ngày.đêm sau đó tuần hoàn tái sử dụng cho hoạt động của hệ thống xử lý khí thải.

- Nước thải từ hoạt động hệ thống xử lý khí thải được xử lý qua hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 60m³/ngày.đêm có vị trí tiếp giáp phía Nam nhà xưởng 1B; nước thải sau xử lý được tuần hoàn tái sử dụng cho hoạt động xử lý khí thải.

+ Quy trình công nghệ của hệ thống xử lý nước thải sản xuất, công suất 60 m³/ngày.đêm như sau: Nước thải sản xuất → Bể lọc rác → Bể điều hòa → Bể điều chỉnh pH, trộn nhanh 1, trộn chậm 1 → Bể lắng sơ cấp → Bể nước sạch sơ cấp → Bể kỵ khí → Bể hiếu khí → Bể trộn chậm 2, trộn nhanh 2, điều chỉnh pH 2 → Bể lắng thứ cấp → Bể nước sạch thứ cấp → Cột lọc → Bể nước tái sử dụng → Tuần hoàn tái sử dụng cho hoạt động xử lý khí thải;

+ Nước thải sản xuất phát sinh từ Dự án phải xử lý đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp. Nước thải sau xử lý được tuần hoàn tái sử dụng cho hoạt động xử lý khí thải, không thải ra môi trường tiếp nhận.

4.2.1.2. Đối với thu gom và xử lý bụi và khí thải:

a. Bụi, khí thải từ quá trình sản xuất:

- Bụi, khí thải phát sinh từ các dây chuyền phun sơn, in trong quá trình sản xuất đồ chơi tại khu vực nhà xưởng 1B có quy trình xử lý khí thải tương tự nhau cụ thể như sau:

+ Quy trình xử lý: Bụi, khí thải → Chụp hút → Tháp hấp phụ → Tháp hấp thụ → Ống thoát khí → Môi trường.

+ Số lượng: 06 hệ thống xử lý khí thải cụ thể:

01 Hệ thống xử lý khí thải dây chuyền phun sơn tay số 1, 2 tại nhà xưởng 1B công suất 50.000 m³/h.

01 Hệ thống xử lý khí thải dây chuyền phun sơn tay số 3,4 tại nhà xưởng 1B công suất 50.000 m³/h.

01 Hệ thống xử lý khí thải dây chuyền phun sơn tay số 5,6 tại nhà xưởng 1B công suất 50.000 m³/h.

01 Hệ thống xử lý khí thải dây chuyền phun sơn tay số 7,8 tại nhà xưởng 1B công suất 50.000 m³/h.

01 Hệ thống xử lý khí thải dây chuyền phun sơn tay số 9, 1 dây chuyền phun sơn tự động nhà xưởng 1B công suất 50.000 m³/h.

01 Hệ thống xử lý khí thải dây 3 dây chuyền in, 1 dây chuyền phun sơn tay nhà xưởng 1B công suất 50.000 m³/h.

- Bụi từ công đoạn cắt, may, vệ sinh: Thực hiện vệ sinh công nghiệp hằng ngày các khu vực cắt, may; bố trí phương án thông thoáng nhà xưởng tự nhiên; bố trí thiết bị lọc bụi túi vải.

b. Bụi khí thải phát sinh từ quá trình vận chuyển, từ hệ thống thu gom, xử lý chất thải, ...

- Các xe vận chuyển nguyên liệu và sản phẩm được xếp lịch và có giờ giao nhận nguyên liệu, sản phẩm cụ thể; trong quá trình bốc xếp nguyên liệu, sản phẩm lên các phương tiện vận chuyển các phương tiện phải tắt máy.

- Định kỳ bảo dưỡng các phương tiện của nhà máy đảm bảo các phương tiện hoạt động tốt; kiểm định các phương tiện theo đúng quy định.

- Thường xuyên phun tưới nước sân đường, vỉa hè của Nhà máy; tần suất phun ẩm là 04 lần/ngày đối với những ngày không mưa và thực hiện bổ sung khi phát sinh bụi nhiều.

- Thiết kế hệ thống thu gom nước mưa, nước thải, các hố ga có nắp đậy; thường xuyên kiểm tra hệ thống thu gom, xử lý nước thải, nạo vét định kỳ tránh tình trạng tắc nghẽn, vỡ đường ống làm phát sinh mùi hôi thối.

+ Bổ sung chế phẩm (BIO-S, BIO-Phốt) dạng bột vào hệ thống bể tự hoại để tăng hiệu quả xử lý, tránh bùn tắc bể và phát sinh mùi; sử dụng hóa chất (như Oclean, Sumo, Davi - Star dạng bột) để thông tắc đường ống thoát nước thải.

+ Các thùng đựng rác đều có nắp và đưa đi xử lý hàng ngày nhằm hạn chế sự phát tán mùi hôi do phân hủy các chất hữu cơ có trong rác thải.

- Khí thải từ hoạt động của máy phát điện dự phòng: Bố trí khu vực đặt máy phát điện tại vị trí riêng biệt, trang bị hệ thống thoát khí.

- Bố trí công nhân vệ sinh thường xuyên quét dọn sân đường nội bộ, nhà xưởng.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động (quần, áo, khẩu trang, bao tay, ...) cho công nhân làm việc tại Nhà máy.

- Sử dụng quạt thông gió nhà xưởng, kho lạnh bảo quản thực phẩm để đảm bảo môi trường lao động, an toàn thực phẩm.

- Trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỉ lệ theo đúng quy hoạch được phê duyệt đáp ứng QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng; đặc biệt, xung quanh khu vực hệ thống xử lý nước thải, khu tập kết rác thải.

4.2.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.2.1. Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- *Chất thải rắn sinh hoạt:*

+ Khu vực nhà ăn: Bố trí các xô đựng rác thể tích 5 lít, 10 lít đặt tại khu vực bàn ăn, phòng ăn. Bố trí 3 thùng đựng rác có nắp đậy dung tích 60 lít đặt tại khu vực bếp nấu ăn.

+ Khu vực nhà văn phòng: Bố trí các xô đựng rác thể tích 5 lít, 10 lít đặt tại khu vực phòng làm việc, phòng vệ sinh. 2 cụm thùng nhựa composite (mỗi cụm 2 thùng dung tích 60 lít/thùng; 1 thùng chứa chất thải rắn vô cơ; 1 thùng chứa chất thải rắn hữu cơ) đặt tại 2 đầu hành lang.

+ Khu vực sân đường nội bộ: Bố trí các cụm thùng nhựa composite (mỗi cụm 2 thùng dung tích 60 lít/thùng; 1 thùng chứa chất thải rắn vô cơ; 1 thùng chứa chất thải rắn hữu cơ) đặt tại sân đường nội bộ của dự án.

Toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại dự án trong quá trình hoạt động được tập kết về 2 thùng rác HDPE dung tích 660 lít, có bánh xe đặt khu vực có mái che tiếp giáp khu vực nhà xe tầng 1 của dự án. Hợp đồng với đơn vị thu gom, vận chuyển và xử lý với tần suất 1 lần/ngày.

- *Chất thải rắn sản xuất:*

+ Tại khu vực nhà xưởng sản xuất sản phẩm may mặc, giày da bố trí 4 thùng đựng rác (chỉ đứt, bụi vải, ...) thể tích 240 lít/thùng từ quá trình sản xuất được công nhân sản xuất thu gom, đưa về thùng chứa rác để chứa. Thùng bố trí dạng kín, đạp mở bằng chân, có nắp đậy, tránh bụi phát sinh ra môi trường làm ảnh hưởng đến chất lượng môi trường xưởng sản xuất.

+ Đối với khối lượng sản phẩm nhựa lỗi, hỏng, bavia từ quá trình sản xuất đồ chơi thừa được thu gom tập kết về khu vực nghiền và quay lại sản xuất.

+ Bùn thải phát sinh từ bể tự hoại, hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt được chủ dự án thuê đơn vị hút, thu gom và vận chuyển theo đúng quy định.

+ Công ty bố trí 01 kho lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường, diện tích khoảng 100 m² đặt tại phía Đông khu vực nhà xưởng 2A.

4.2.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn nguy hại:

- Trang bị ít nhất 07 thùng chứa (thể tích 50lít/thùng; 120 lít/thùng) có nắp đậy để lưu chứa chất thải rắn nguy hại, dán nhãn đặt tại kho chứa chất thải nguy hại có diện tích 20 m² tại khu vực phía Đông nhà xưởng 2A để lưu chứa chất thải nguy hại dạng rắn, lỏng; định kỳ, hợp đồng với đơn vị chức năng đến thu gom, đưa đi xử lý theo quy định.

- Kho lưu chứa chất thải rắn nguy hại xây dựng nền kho đảm bảo kín

khít, có mái che nắng mưa, bố trí thiết bị lưu chứa đảm bảo an toàn nắp đậy kín, có dán biển hiệu cảnh báo theo tiêu chuẩn của Pháp luật hiện hành.

4.2.3. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

- Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung

+ Thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng bảo trì các dây truyền thiết bị theo đúng định kỳ. Cân bằng của máy khi lắp đặt, kiểm tra độ mòn chi tiết và phải thường xuyên tra dầu bôi trơn cho các máy.

+ Khi có sự cố hỏng hóc trên các dây truyền hay máy móc thiết bị phải dừng vận hành ngay và sửa chữa trước khi hoạt động lại.

+ Trên các dây truyền máy móc thiết bị gây tiếng ồn lớn phải được lắp các thiết bị giảm âm là các đệm cao su được lót dưới chân đế các máy móc, thiết bị.

+ Trang bị đầy đủ các thiết bị bảo hộ lao động chuyên dụng cho công nhân tham gia vận hành trên những dây truyền máy móc có tiếng ồn lớn như: nút tai chống ồn.

+ Bố trí giờ làm hợp lý cho từng chuyền sản xuất để giảm mật độ người lao động ùn tắc trong những giờ cao điểm. Bố trí nhân viên bảo vệ hướng dẫn các phương tiện tại khu vực cổng ra vào của Nhà máy. Thường xuyên tuyên truyền nhắc nhở cán bộ, công nhân tuân thủ luật giao thông và đảm bảo an toàn giao thông.

+ Trồng cây xanh trong khuôn viên Nhà máy để giảm thiểu bụi, tiếng ồn phát sinh từ hoạt động sản xuất tới môi trường xung quanh.

- Biện pháp phòng ngừa, ứng phó với rủi ro, sự cố:

+ Sự cố hệ thống xử lý chất thải:

Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ các hệ thống thu gom và xử lý chất thải; bố trí nhân viên quản lý, vận hành và giám sát vận hành các hệ thống thu gom, xử lý chất thải.

Trường hợp hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt và sản xuất, gặp sự cố cần khắc phục, nhà máy dừng hoạt động hệ thống, nhân viên vận hành và bảo trì tại dự án sẽ nhanh chóng đánh giá mức độ hư hỏng. Nếu mức độ hư hỏng nhẹ thì các nhân viên sẽ nhanh chóng khắc phục để hệ thống được hoạt động bình thường. Trong trường hợp sự cố lớn không thể khắc phục kịp thời dự án tạm dừng các hoạt động phát sinh nước thải, để đảm bảo không phát sinh nước thải chưa xử lý ra môi trường.

+ Phòng cháy và chữa cháy: Lập và thực hiện theo đúng hồ sơ thiết kế PCCC được cơ quan có thẩm quyền thẩm duyệt; trang bị đầy đủ phương tiện, thiết bị phòng cháy chữa cháy; đảm bảo chất lượng theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về phòng cháy và chữa cháy.

+ Sự cố tai nạn lao động: Lắp đặt bảng nội quy an toàn lao động; trang bị đầy đủ bảo hộ lao động; tuyên truyền, tập huấn nâng cao ý thức người lao động.

+ Sự cố hóa chất: Lập phương án ứng phó sự cố hóa chất và thực hiện các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố rò rỉ, tràn đổ hóa chất theo đúng

quy định.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

Chủ đầu tư đề xuất và cam kết thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường dự án cụ thể như sau:

5.1. Giám sát chất lượng môi trường không khí

Căn cứ điều 112 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 dự án thuộc đối tượng thực hiện chương trình giám sát định kỳ. Chương trình giám sát môi trường khí thải như sau:

- Vị trí giám sát:

+ Hệ thống xử lý khí thải dây chuyền phun sơn tay số 1, 2 tại nhà xưởng 1B công suất 50.000 m³/h.

+ Hệ thống xử lý khí thải dây chuyền phun sơn tay số 3,4 tại nhà xưởng 1B công suất 50.000 m³/h.

+ Hệ thống xử lý khí thải dây chuyền phun sơn tay số 5,6 tại nhà xưởng 1B công suất 50.000 m³/h.

+ Hệ thống xử lý khí thải dây chuyền phun sơn tay số 7,8 tại nhà xưởng 1B công suất 50.000 m³/h.

+ Hệ thống xử lý khí thải dây chuyền phun sơn tay số 9, 1 dây chuyền phun sơn tự động nhà xưởng 1B công suất 50.000 m³/h.

+ Hệ thống xử lý khí thải dây 3 dây chuyền in, 1 dây chuyền phun sơn tay nhà xưởng 1B công suất 50.000 m³/h.

- Chỉ tiêu quan trắc: Lưu lượng, Nhiệt độ, Áp suất, Bụi tổng, Toluene, Xylene, Etylaxetat.

- Tần suất giám sát:

+ 03 tháng/lần đối với các chỉ tiêu: Lưu lượng, nhiệt độ, áp suất, bụi tổng;

+ 06 tháng/lần đối với các chỉ tiêu: Toluen, Xylene, Etylaxetat.

- Quy chuẩn áp dụng đối với chất lượng khí thải:

+ QCVN 19:2009/BTNMT (Kp = 0,8; Kv = 1,4): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;

+ QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với các chất hữu cơ.

5.2. Giám sát chất lượng môi trường nước thải

5.2.1. Nước thải sinh hoạt

Căn cứ điều 111 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và Điều 97, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 dự án thuộc đối tượng không phải thực hiện chương trình giám sát môi trường định kỳ. Tuy nhiên,

chủ đầu tư đề xuất và cam kết thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường nước thải sinh hoạt của dự án cụ thể như sau:

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần
- Vị trí quan trắc: NT - Nước thải sau xử lý tại hệ thống XLNT tập trung của Nhà máy công suất 150 m³/ngày đêm.
- Chỉ tiêu quan trắc: pH, BOD₅, TSS, Tổng chất rắn hòa tan, Sunfua (tính theo H₂S), Amoni, NO₃⁻, Dầu mỡ động thực vật, Tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat, Tổng coliforms.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột B, K=1).

5.2.2. Nước thải sản xuất

Căn cứ điều 111 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và Điều 97, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 dự án thuộc đối tượng không phải thực hiện chương trình giám sát môi trường định kỳ do nước thải sản xuất sau xử lý được tuần hoàn tái sử dụng và không thải ra môi trường tiếp nhận. Dự án không đề xuất chương trình quản lý giám sát môi trường đối với nước thải sản xuất.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

- Thực hiện đầy đủ các nội dung trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động môi trường đối với các loại chất thải phát sinh phải được thu gom, quản lý và xử lý đạt các yêu cầu quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt; QCVN 19:2009/BTNMT (Kp = 0,8; Kv = 1,4): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ; QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với các chất hữu cơ; QCVN 27:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; QCVN 03:2019/BYT về Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện dự án.

- Trong quá trình chuẩn bị, triển khai thực hiện dự án đầu tư trước khi vận hành, trường hợp có thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, chủ dự án đầu tư có trách nhiệm thực hiện theo đúng quy định tại Khoản 4, Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Tuân thủ các quy định hiện hành về môi trường, đất đai, xây dựng; tài nguyên, lâm nghiệp; an ninh, quốc phòng; bảo tồn đa dạng sinh học; khai thác, xả nước thải vào nguồn nước; các quy định về phòng cháy chữa cháy, ứng cứu sự cố và các quy định pháp luật khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro cho môi trường.

- Đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; không bố trí khu vực phát sinh bụi, mùi, khí thải gần khu dân cư; đảm bảo tuân thủ QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

- Nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật.

- Tuân thủ các quy định hiện hành về môi trường, đất đai, xây dựng; tài nguyên, lâm nghiệp; an ninh, quốc phòng; bảo tồn đa dạng sinh học; khai thác, xả nước thải vào nguồn nước; các quy định về phòng cháy chữa cháy, ứng cứu sự cố và các quy định pháp luật khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro cho môi trường.

- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về bảo vệ môi trường và bồi thường thiệt hại đối với môi trường và xã hội nếu trong quá trình hoạt động gây ô nhiễm môi trường xung quanh và gây ra sự cố môi trường.

- Thực hiện yêu cầu khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường./.